

Trong chuyến thăm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đến Nhật Bản, hai bên đã ra tuyên bố chung trong đó chia sẻ quan ngại và lên án hoạt động bồi đắp và xây dựng quy mô lớn ở Biển Đông. Với sự quan tâm ngày càng tăng đối với Biển Đông và những lợi ích chung về an ninh biển, sự can thiệp của Nhật Bản sẽ mang đến những thuận lợi và thách thức gì cho khu vực?



Khi những căng thẳng trong tranh chấp biển, đảo tại Biển Đông giữa các nước ASEAN với Trung Quốc không ngừng gia tăng trong thời gian gần đây, Nhật Bản ngày càng lo ngại về những tác động đối với Nhật Bản và khu vực. Tình thái đó do đó không nhất quán, Nhật Bản đã thể hiện thái độ tích cực và chủ động đối với vấn đề Biển Đông. Tương lai, quan điểm và cách tiếp cận sẽ đi theo chiều hướng như thế nào? Những tác động từ chính sách của Nhật Bản đối với khu vực và Việt Nam là gì? Đây sẽ là những vấn đề mà bài viết sẽ tập trung để tìm ra câu trả lời.

## **Sự thay đổi trong quan điểm của Nhật Bản trong vấn đề Biển Đông từ những năm 1990 đến nay**

*Tư quan điểm do d, không nhất quán...*

Khi tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông lên đầu tiên nổi lên vào những năm 1990, phần lớn của Nhật Bản không thực sự nhất quán. Một mặt, nhằm theo đuổi vai trò và tiếng nói tích cực hơn trong các vấn đề quốc tế với tư cách là một cường quốc và kinh tế, Nhật Bản đã nỗ lực theo đuổi và can dự vào vấn đề tranh chấp ở Biển Đông. Chẳng hạn, thông qua các cơ chế và đối thoại song phương, Nhật Bản nỗ lực thuyết phục Trung Quốc giải quyết hòa bình các tranh chấp, ủng hộ đối thoại tại Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF). Tuy nhiên, song song với đó thì Nhật Bản lại do dự trước việc bị coi là “can thiệp” vào tranh chấp lãnh thổ của các quốc gia khác, bởi vậy mà chính phủ Nhật Bản đã không đưa vấn đề tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông vào chương trình nghị sự của APEC 1995 do Nhật Bản tổ chức. [\[1\]](#)

Tuy nhiên, bối cảnh quốc tế và môi trường chiến lược của Nhật Bản đã thay đổi mạnh mẽ, đặc biệt là sự trỗi dậy của Trung Quốc từ đầu thế kỷ XXI. Từ sau Chiến tranh Lạnh tới nay, Trung Quốc luôn là nhân tố quan trọng tác động đến chính sách đối ngoại của Nhật, tùy từng thời điểm và bối cảnh khác nhau sẽ quy định mặt hướng tác hay cảnh tranh ngại bất hợp. Sự trỗi dậy của Trung Quốc, chủ nghĩa dân tộc tăng cao, vấn đề tranh chấp lãnh thổ nổi lên... đã “kích hoạt” các nhân tố gây xung đột trong quan hệ hai nước. Mọi quan hệ trở nên căng thẳng nhất từ sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc là khi Nhật chính thức quốc hữu hóa ba hòn đảo trong quần đảo Senkaku/Điếu Ngư.

[\[2\]](#)

Trước bối cảnh môi trường chiến lược của Nhật Bản thay đổi như vậy, ưu tiên trong chính sách của Nhật Bản về vấn đề Biển Đông cũng buộc phải thay đổi theo. Trước hết, mong muốn về thế cường quốc mà trước đó Nhật Bản đặt ưu tiên theo đuổi đã giảm.

Thay vào đó, tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông lúc này lại là mối quan ngại an ninh thực sự quan trọng đối với Nhật Bản bởi mối liên hệ giữa sự quy định đoán của Trung Quốc trong tranh chấp Biển Đông với tranh chấp Trung - Nhật tại Hoa Đông: nếu thành công ở Biển Đông, Trung Quốc sẽ tiếp tục áp dụng mô hình, chiến thuật đối với tranh chấp Hoa Đông.

*...đến chính sách chủ động, tích cực và nhất quán*

Thái độ và chính sách hiện tại của Nhật Bản đối với vấn đề Biển Đông được thể hiện rõ ràng: chủ động, tích cực. Chính sách này được thể hiện rõ khi Nhật Bản tăng cường các mối quan hệ với chính phủ, an ninh, ngoại giao, kinh tế trên các mặt song phương và đa phương với ba chủ thể chính: ASEAN; các quốc gia tranh chấp, đặc biệt là Philippines và Việt Nam; và Mỹ. Chính sách tiếp cận vấn đề Biển Đông còn được đẩy mạnh dưới thời Thủ tướng Shinzo Abe thông qua hàng loạt sự kiện với các quy định hạn chế về quốc phòng, chính sách đối ngoại tập trung hơn vào ASEAN, đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia tranh chấp, đặc biệt là Việt Nam và Philippines.

Đối với Trung Quốc, sự can thiệp của Nhật Bản rõ ràng tạo ra những thách thức trong chiến lược đối với Biển Đông của nước này. Trên quan điểm của Trung Quốc, việc Nhật Bản can thiệp vào tranh chấp Biển Đông là nhằm: (i) mở rộng sự ảnh hưởng đối với khu vực; (ii) kiểm soát sự trỗi dậy của Trung Quốc; [3] và (iii) giảm áp lực đối với tranh chấp ở Hoa Đông [4] đồng thời tạo bối cảnh quốc tế cho chiến lược trình ngho sự trong nước để thay đổi chính sách an ninh.

[5]

Trong bối cảnh và quan điểm về ý đồ của Nhật Bản như vậy, Trung Quốc đã thực hiện những hành động phản ứng trên tất cả các phương diện chính trị, ngoại giao và kinh tế, trước mọi động thái mà Trung Quốc coi là can thiệp vào vấn đề Biển Đông. Điều này đã có những tác động lớn đến mối quan hệ song phương giữa hai quốc gia, tác động đến tính toán về chính sách trong vấn đề Biển Đông của Nhật Bản.

## **Mục tiêu và thực tiễn triển khai các điều chỉnh chính sách của Nhật Bản ở Biển Đông**

### *Lợi ích và Mục tiêu*

Ở Biển Đông, Nhật Bản không chỉ có lợi ích về chính trị - an ninh và thế năng mới, mà nước này còn có những lợi ích rất lớn về việc đảm bảo các cơ chế an ninh biển và luật pháp quốc tế được thực thi và bảo vệ. Mối quan tâm này cũng như về vấn đề tự do hàng hải đã được Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe đề cập trong bài phát biểu về chính sách Châu Á của mình vào ngày 18/2/2013 rằng:

Những lợi ích của Nhật Bản là thông xuyên duy trì các vùng biển ở Châu Á hoàn toàn được tự do qua lại, hòa bình, đảm bảo cho các tuyến đường đó là lợi ích chung cho toàn thể nhân dân trên thế giới, một khu vực hoàn toàn tuân theo luật pháp... Trong bối cảnh về mặt địa lý, hai mục tiêu này đều là những nhu cầu thiết yếu và mang tính bản chất đối với Nhật Bản, một quốc gia bao quanh và phụ thuộc vào các khu vực biển này, một quốc gia xem sự an toàn trên biển chính là sự an toàn của chính mình". [6]

Ngoài ra, can dự vào vấn đề Biển Đông cũng là một cách để Nhật Bản phân tán sự chú ý và nguồn lực trong tranh chấp Hoa Đông với Nhật Bản.

Trên cơ sở lợi ích như vậy, Nhật Bản có ba mục tiêu cơ bản, đó là:

*Đầu tiên và quan trọng nhất đó là* tự do hàng hải, ổn định khu vực, giải quyết hòa bình các tranh chấp biển Đông là tuyến đường thông mại, vận chuyển nguồn nguyên liệu các khoáng sản quan trọng đối với nền kinh tế Nhật.

*Thứ hai*, phân tán sự chú ý và nguồn lực trong tranh chấp Hoa Đông với Nhật Bản bởi nhu cầu thành công ở Biển Đông, Trung Quốc sẽ tiếp tục áp dụng mô hình, chiến thuật đối với tranh chấp Hoa Đông.

*Thứ ba* là hỗ trợ cho chính sách của Mỹ đối với Biển Đông. Là đồng minh và cũng là quốc gia có lợi ích rất lớn ở Biển Đông, Nhật Bản sẽ có những đóng góp quan trọng cho chính sách tái cân bằng nói chung và chính sách đối với Biển Đông nói riêng của Mỹ.

*Thứ tư* tiến triển khai các điều kiện chính sách

Đối với cách tiếp cận đa phương, do những hạn chế về mặt ngoại giao, sự mạnh chính trị, phương thức hậu thuẫn của Nhật Bản là tích cực tham gia vào các cơ chế

đời thời đa phương của ASEAN. Với vai trò này, Nhật Bản luôn tích cực và chủ động tham gia vào các cơ chế an ninh do ASEAN làm chủ đạo, như ARF, ADMM, EAS. Mục tiêu là giám sát và kiểm soát các hành vi đơn phương của Trung Quốc ở Biển Đông, gây áp lực lên Trung Quốc nhằm phân tán sự chú ý cũng như triển khai hoạt động của Trung Quốc tại Hoa Đông. Với thực tiễn mục tiêu này, Nhật Bản sẽ chủ động lên tiếng ủng hộ các tuyên bố của ASEAN, các quốc gia tranh chấp trong khu vực và vấn đề Biển Đông. Bên cạnh đó, Nhật Bản cũng chủ động đưa ra các sáng kiến thành lập các cơ chế theo luận điểm mở rộng liên và vấn đề hành hải, cũng như những sáng kiến của Nhật Bản và việc thành lập “đội đàn an ninh biển Đông Á” tại EAS vào năm 2011 hay đưa ra các sáng kiến và nguyên tắc kiểm soát xung đột trên biển như khái niệm “Kỹ năng đi biển” (good seamanship) mà Nhật Bản đưa ra vào năm 2012 tại Hội thảo Shangri-La lần thứ 11. Mặc dù các sáng kiến hay đề xuất không thành công nhưng điều đó cho thấy sự chủ động, tích cực của Nhật Bản trong vấn đề an ninh hàng hải đang theo đuổi.

Với hợp tác trên lĩnh vực an ninh biển, Nhật Bản tập trung nhiều hơn vào các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống trong lĩnh vực an ninh hàng biển tại các cơ chế hợp tác ASEAN, đặc biệt là các vấn đề có mối quan hệ với tranh chấp Biển Đông và Hoa Đông. Ngoài ra, Nhật Bản cũng tiến hành và chủ động nêu vấn đề tại các cơ chế, đội đàn khác mà Nhật Bản có vai trò như Hội đồng (Hợp tác sông Mê Công Mở rộng) hoặc tham gia (G7). Hình thức gần đây nhất là việc Nhật Bản cam kết hỗ trợ hơn 6 tỷ USD cho khu vực các quốc gia sông Mê Công và hai bên cũng ra tuyên bố về vấn đề Biển Đông. Tại Hội nghị Thượng đỉnh G7, gần đây nhất là tại Hội nghị 2014 và 2015, Thủ tướng Shinzo Abe đã theo luận và nêu vấn đề tự do hàng hải, vấn đề cải tạo đảo của Trung Quốc và tuyên bố của hai Hội nghị đầu tiên về vấn đề Biển Đông.

Với việc thúc đẩy mối quan hệ song phương, Nhật Bản đẩy mạnh sự hỗ trợ và ủng hộ của mình đối với các thành viên ASEAN có tranh chấp ở Biển Đông, đặc biệt là Việt Nam và Philippines, hỗ trợ nâng cao năng lực chấp pháp trên biển bao gồm cả phần cứng (như tàu tuần tra) và phần mềm (huấn luyện) thông qua nguồn hỗ trợ ODA và chương trình mới về hỗ trợ quốc phòng trong khuôn khổ mục tiêu trong Chiến lược Chiến lược Quốc phòng Quốc gia (NDPG) mà Nhật Bản đưa vào thực hiện từ năm 2010. Với vai trò và cũng là mong muốn của Mỹ đối với Nhật Bản là Nhật Bản sẽ đóng vai trò hỗ trợ Mỹ cũng và tăng cường sự hiện diện tại khu vực, hỗ trợ cho chiến lược tái cân bằng của Mỹ thông qua hoạt động hỗ trợ tài chính, hỗ trợ xây dựng năng lực cho các quốc gia ven biển ở Biển Đông để phó với Trung Quốc.

## **Những giải pháp đối với chính sách Biển Đông của Nhật Bản**

Dù tích cực, chủ động và thúc đẩy các quốc gia khu vực cũng như đồng minh Mỹ ủng hộ, những chính sách của Nhật Bản còn có những giới hạn căn tr và ảnh hưởng nhất định đến tiến trình thực hiện.

*Thứ nhất*, so với Mỹ và Trung Quốc, vai trò và tầm ảnh hưởng về chính trị, ngoại giao của Nhật Bản còn hạn chế, do vậy Nhật Bản sẽ gặp khó khăn trong nỗ lực tăng cường ảnh hưởng đối với khu vực và các vấn đề an ninh cũng như vấn đề Biển Đông.

*Thứ hai*, do những hạn chế về hiến pháp, nội bộ, việc tăng cường hợp tác quân sự (bên ngoài lãnh thổ) sẽ gặp những khó khăn nhất định. Điều đó cũng phần nào giải thích vì sao nhiều quốc gia khu vực vẫn nhìn nhận Nhật Bản là quốc gia, đối tác kinh tế hạn là quân sự, chính trị.

*Thứ ba*, điểm dè dặt thấy về chính trị nội bộ của Nhật là sự bấp bênh. Nhìn lại khoảng 20 năm gần đây, hầu như các thế hệ lãnh đạo chỉ nắm quyền 2 năm. Ngoại trừ Koizumi và Shinzo Abe (Koizumi cầm quyền từ 2001 – 2006, Shinzo Abe cầm quyền từ 2012 đến nay). Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến sự nhất quán về chính sách chung của Nhật Bản.

Ngoài ra, Nhật Bản không phải là bên tranh chấp, cùng với đó là quá khứ quân phiệt, đây sẽ là những nhân tố mà Trung Quốc và cả Hàn Quốc khai thác để gây áp lực và căn tr sẽ điều chỉnh chính sách về chính trị, quân sự của Nhật Bản, gián tiếp ảnh hưởng lên chính sách của Nhật Bản ở Biển Đông.

## **Triển vọng**

Chiều hướng chính sách can dự vào vấn đề Biển Đông của Nhật Bản thời gian tới sẽ căn bản phụ thuộc vào các nhân tố: chiều hướng phát triển và tranh chấp Biển Đông; hành vi và chiến thuật thực hiện của Trung Quốc ở Biển Đông; chiều hướng của chính sách “tái cân bằng” của Mỹ; nhận thức về Trung Quốc trong chính trị nội bộ Nhật Bản và xu hướng điều chỉnh về chính sách an ninh, quốc phòng của Nhật Bản.

Trong bối cảnh hiện nay, sự phát triển trong tranh chấp Biển Đông đang có xu hướng ngày càng phức tạp, đặc biệt là các hành vi và chi phí thu hút của Trung Quốc ở Biển Đông đang ngày càng trở nên rõ: quyết đoán và công khai phá vỡ nguyên tắc, thách thức trực tiếp sự hiện diện của Mỹ ở khu vực. Các quốc gia tranh chấp ngày càng lo ngại, đặc biệt là Philippines và Việt Nam.

Với chi phí lớn “tái cân bằng” của Mỹ, trước sự trỗi dậy không ngừng của Trung Quốc, đi kèm với đó là hành vi và ý định phá vỡ nguyên tắc và trật tự khu vực mà Mỹ đã thiết lập, công khai thách thức sự hiện diện của Mỹ tại đây. Do đó, thời gian tới, Mỹ sẽ tiếp tục đẩy mạnh chiến lược “tái cân bằng” của mình trên tất cả phương diện, từ kinh tế, chính trị đến ngoại giao, quốc phòng.

Với chính trị nội bộ, khi Đảng LDP đã xây dựng được liên minh của mình và thậm chí còn chống lại được sự cạnh tranh khi đã thắng nhút nhát được tiếng nói trong các vấn đề nội bộ của mình phòng và tập thể..., với trí của Đảng này có thể sẽ còn được đảm bảo lâu dài nên chính sách đối ngoại có thể có xu hướng ổn định hơn. Với vai trò như câu “bình thường hóa” quốc gia, dù Đảng nào có lên nắm quyền trong 15 năm tới thì nhu cầu này vẫn sẽ được đặt ra, nhất là trong bối cảnh môi trường an ninh có xu hướng vẫn đang theo chiều Trung Quốc vẫn lên, Mỹ không thể sức mạnh hiện nay.

Với xu hướng điều chỉnh chính sách an ninh, quốc phòng. Chính sách mới về an ninh quốc phòng của Nhật Bản hiện nay đang có những thay đổi rất lớn theo hướng đưa Nhật Bản chủ động hơn, dần biến Nhật Bản trở thành “quốc gia bình thường”.

*Với mặt chính sách*

, hiện chính quyền Abe đang nắm lấy thông qua hai sự đổi về an ninh.

*Thứ nhất,*

cho phép Nhật Bản cung cấp sự hỗ trợ hậu cần cho các quốc gia tham gia các sự kiện gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc. Hoạt động này trên lý thuyết, Nhật Bản không được phép tham gia.

*Thứ hai và cũng là quan trọng nhất,*

xem xét và di chuyển giới hạn khái niệm phòng và tập thể về quy định của Nhật Bản tham gia hỗ trợ các quốc gia bất ổn công theo

[Điều 51](#)

của Hiến chương Liên Hợp Quốc.

*Với mặt ngân sách quốc phòng,*

trong bối cảnh Trung Quốc ngày càng ngân sách quốc phòng, Nhật Bản cũng đang

tăng cường bổ sung cho ngân sách tăng thêm 0,8% hàng năm cho đến 2018.

*Về hoạt động tập huấn luyện, tập trận chung,*

chính quyền Abe hiện tại đang đẩy mạnh các hoạt động tập trận chung. Ngoài đồng minh là Mỹ, Nhật Bản cũng tăng cường các cuộc tập trận chung với Úc, Philippines, Ấn Độ và Việt Nam.

Tất cả những nhân tố trên cho thấy rằng, trong thời gian tới, Nhật Bản sẽ tiếp tục đẩy mạnh chính sách can thiệp với vấn đề Biển Đông trên tất cả các phương diện: đa phương, song phương, chính trị, an ninh và quốc phòng.

### **Tác động đối với ASEAN và Việt Nam.**

Sự can thiệp của Nhật Bản vào vấn đề Biển Đông rõ ràng đã khiến các quốc gia có tranh chấp trong ASEAN hoang mang. Tuy nhiên, sự can thiệp này cũng có hai mặt: vừa đem đến cơ hội nhưng cũng tạo ra những thách thức.

#### ***Cơ hội ASEAN***

Trong bối cảnh Nhật Bản tích cực can thiệp khu vực và vấn đề Biển Đông nhằm tăng cường và củng cố tranh ảnh hưởng, điều đó sẽ buộc Trung Quốc phải ứng phó theo nhiều hướng khác nhau, trong đó có cơ hội tăng cường hợp tác trên tất cả các lĩnh vực để giải quyết và phát huy ảnh hưởng của mình ở khu vực. Theo đó, cả Nhật Bản và Trung Quốc sẽ đều tích cực tham gia vào các cơ chế của ASEAN, các sáng kiến đa phương, hỗ trợ và hỗ trợ và đóng góp cho sự phát triển kinh tế của các quốc gia ASEAN; nâng cao năng lực trên biển cho các quốc gia tại sự hỗ trợ và hợp tác của hai quốc gia này.

Cách tiếp cận của Nhật Bản trong vấn đề Biển Đông tại các diễn đàn đa phương của ASEAN là nêu vấn đề tự do hàng hải, giải quyết tranh chấp hòa bình và tuân thủ các luật pháp quốc tế, đưa ra các sáng kiến về an toàn, an ninh biển. Điều này hoàn toàn phù hợp và tăng cường đồng thuận với quan điểm của ASEAN cũng như các quốc gia tranh chấp với Trung Quốc ở Biển Đông. Sự tăng cường này, cùng với thái độ chủ động và tích cực của Nhật Bản, vấn đề Biển Đông sẽ được duy trì và theo đuổi liên tục trong những tình huống của ASEAN, lôi kéo được sự chú ý và quan tâm từ các đối tác



bên ngoài của ASEAN như Úc, Nga... Việc biến vấn đề Biển Đông thành mối quan tâm chung của cộng đồng thế giới sẽ gây áp lực đối với Trung Quốc, kích thích và giục bách hành vi quyệt đoán và có phần hung hăng của Trung Quốc.

Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội, cách tiếp cận của Nhật Bản cũng tạo ra một số thách thức. Quan điểm, cách tiếp cận vấn đề Biển Đông, quan điểm và mối quan hệ với Trung Quốc của các quốc gia ASEAN là khác nhau. Chính sự khác biệt này sẽ tạo ra sự chia rẽ trong nội khối ASEAN, cản trở sự đoàn kết nội khối. Tuy nhiên vai trò trung tâm của ASEAN sẽ không thực sự thích hợp nếu như phần lớn tầm quan trọng và vai trò tham gia của các cường quốc bên ngoài khu vực trong cấu trúc an ninh khu vực. Những sự tham gia của các cường quốc, cốt lõi là sự cạnh tranh và tích cực của Nhật Bản trong vấn đề Biển Đông sẽ làm “loãng” các vấn đề trọng tâm của khối, thậm chí có thể biến thành vấn đề cạnh tranh giữa Trung Quốc và Nhật Bản trong vấn đề tranh chấp lãnh thổ Hoa Đông.

### **Đối với Việt Nam**

Nhật Bản là quốc gia có tiềm lực mạnh về kinh tế, năng lực biến của Nhật Bản cũng rất phát triển. Do đó, với những cách chèn lấn và sức mạnh trên biển giữa Trung Quốc với Việt Nam nói riêng và với các quốc gia ASEAN nói chung như hiện nay, Nhật Bản sẽ tăng cường hợp tác và xây dựng năng lực trên biển cho Việt Nam thông qua hợp tác công nghệ (tàu tuần tra, trang thiết bị bán quân sự...) và phần mềm (huấn luyện và đào tạo...). Trong chuyến thăm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đến Nhật Bản từ ngày 15-18/9/2015, hai nhà lãnh đạo đã ra tuyên bố chung chia sẻ quan ngại sâu sắc, đồng thời lên án việc bãi bỏ đảo và xây dựng công sự quy mô lớn ở Biển Đông.

[7] Với mong muốn cùng nhau thúc đẩy an ninh biển, hai bên đã ký công hàm trao đổi về việc chính phủ Nhật Bản cung cấp kho vận viện trợ không hoàn lại dự án trị giá 200 triệu yen để đảm bảo an toàn hàng hải trong tài khóa 2015. [8]

1

Hợp tác trong lĩnh vực an ninh quốc phòng còn là đòn bẩy để tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực khác, góp phần tạo dựng lòng tin giữa hai quốc gia, đưa mối quan hệ hai nước phát triển công bằng rộng rãi và chi sâu. Trong số sáu vấn đề hợp tác đạt được trong chuyến thăm của Tổng Bí thư, đã có hai vấn đề giữa (i) Bộ Quốc phòng hai nước và hợp tác trong lĩnh vực gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc và (ii) Cảnh sát Biển Việt Nam và Lực lượng bảo vệ bờ biển Nhật Bản về thiết lập quan hệ phối hợp nhằm phòng chống tội phạm xuyên quốc gia và phát triển hợp

tác chung.

Bên cạnh những nhân tố thu hút lợi, chính sách chủ động và tích cực của Nhật Bản vào vấn đề Biển Đông cũng song song tạo ra những thách thức đối với Việt Nam.

*Thứ nhất*, tạo nên sức ép trong quan hệ Nhật Bản - Trung Quốc - Việt Nam. Với Nhật Bản đẩy mạnh hợp tác với Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh song song tạo ra một số khó khăn cho Việt Nam trong việc xử lý quan hệ với Trung Quốc cũng như với các quốc gia ASEAN khác, đặc biệt là trong vấn đề tranh chấp biển Hoa Đông. Những vấn đề như vậy sẽ khiến cho việc bày tỏ thái độ và lập trường của Việt Nam sẽ gặp khó khăn bởi sẽ phải tính đến thái độ của cả Trung Quốc và Nhật Bản, ASEAN, ảnh hưởng đến đồng lợi đối ngoại đặc biệt là, tự do, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa của Việt Nam.

*Thứ hai*, tạo ra sự chia rẽ nội bộ, gia tăng sự khác biệt và quan điểm trong mối quan hệ với Trung Quốc của các quốc gia ASEAN, từ đó gây ra khó khăn cho Việt Nam trong việc giải quyết vấn đề Biển Đông theo hướng có lợi cho Việt Nam. Chính sách can dự của Nhật Bản, cùng với chiến lược “tái cân bằng” của Mỹ đã tạo ra sự xung đột, cạnh tranh quyết liệt với chính sách Biển Đông của Trung Quốc; khoét sâu thêm sự chia rẽ trong ASEAN và vấn đề Biển Đông giữa một bên là các quốc gia có lợi ích trực tiếp như Philippines và Việt Nam với một bên là các quốc gia không có tranh chấp như Myanmar, Lào hoặc “cùng phe” với Trung Quốc như Campuchia.

## **Lời kết**

Trái với thái độ do dự và không rõ ràng đối với vấn đề Biển Đông trong những năm 1990, thái độ và cách tiếp cận của Nhật Bản hiện nay chủ động hơn rất nhiều và được triển khai theo các hướng khác nhau, đặc biệt là đối với chính quyền Abe, Nhật Bản sẵn sàng tham gia tích cực vào các diễn đàn an ninh do ASEAN làm chủ đạo, tích cực thúc đẩy các mối quan hệ song phương, đặc biệt là với Mỹ, Philippines và Việt Nam. Với xu hướng phát triển chung và hướng đi chủ yếu chính sách đối ngoại thời gian tới, với những điểm song trùng và lợi ích giữa Việt Nam và Nhật Bản trong vấn đề Biển Đông, đây sẽ là thời điểm thuận lợi để thúc đẩy quan hệ mới mẻ với Nhật Bản, đặc biệt là trong vấn đề hợp tác chính trị, quốc phòng và an ninh, nhằm làm sâu sắc hơn quan hệ đối tác chiến lược Việt-Nhật vì hòa bình và phồn vinh ở Châu Á như đã được khẳng định trong Tuyên bố chung mới nhất giữa hai

bên.

## **Trần Quang Châu (Viện Biển Đông, Học viện Ngoại giao)**

*Tác giả xin chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp quý báu của TS. Trần Trọng Thủy, ThS. Nguyễn Minh Ngọc trong quá trình thực hiện bài viết này.*

---

[1] Lam Peng Er (1996), "Japan and the Spratlys Dispute: Aspirations and Limitations", *Asian Survey*, Vol 36, No.10, tr. 1001-1006

[2] *The Telegraph* (2012), "Japan agrees to buy disputed Senkaku Islands", <http://www.telegraph.co.uk/news/worldnews/asia/japan/9521793/Japan-agrees-to-buy-disputed-Senkaku-islands.html>

[3] Tạp chí Nghiên cứu các vấn đề quốc tế (2001), "Vai trò của Nhật Bản trong vấn đề Biển Đông", số 3, 2001, Trung Quốc. Bản dịch tiếng Việt xem tại <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-nuoc-ngoai/2009-vai-tro-ca-nht-bn-trong-vn--bin-ong>, bản gốc tiếng Trung xem tại [http://www.ciis.org.cn/chinese/2011-08/03/content\\_4381397.htm](http://www.ciis.org.cn/chinese/2011-08/03/content_4381397.htm)

[4] People Daily (2015), Commentary: Japan's meddling in South China Sea at wrong time, wrong place, <http://en.people.cn/n/2015/0417/c90883-8879993.html>

[5] *Nghiên cứu Biển Đông* (2015), "Chính sách an ninh của Nhật Bản và vấn đề Biển Đông", <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-nuoc-ngoai/5060-chinh-sach-sua-doi-an-nh-cua-nhat-ban-va-van-de-bien-dong>

[6] Shinzo Abe (2013), *The bounty of the open seas: five new principle for Japanese diplomacy*, 18/2. Xem tại [http://japan.kantei.go.jp/96\\_abe/statement/201301/18speech\\_e.html](http://japan.kantei.go.jp/96_abe/statement/201301/18speech_e.html)

[7] Xem toàn văn Tuyên bố về tầm nhìn chung quan hệ Việt - Nhật tại <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/tuyen-bo-chung-viet-nhat-nhan-manh-hop-tac-an-ninh-va-an-toan-bien-3279827-p2.html>

[8] “Nhật cung cấp viện trợ cho dự án 200 tỷ yen để mở rộng an toàn hàng hải Việt Nam”, Lao Động, 15/9/2015, tại

<http://laodong.com.vn/chinh-tri/nhat-cung-cap-vien-tro-cho-du-an-200-ty-yen-dam-bao-an-toan-hang-hai-viet-nam-376563.blđ>